



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ilo@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sử Kỹ Thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 031202/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 03 năm 2018 từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số V.8 - Tài sản cố định vô hình, Công ty chưa hoàn thành việc sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được ghi nhận là tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.302.706.360	82.045.573.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.299.422.749	13.539.458.444
1. Tiền	111		1.299.422.749	10.539.458.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.000.000.000	43.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51.000.000.000	43.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.535.388.910	14.624.551.411
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.570.274.489	10.411.621.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.034.664.840	4.117.418.544
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.930.449.581	407.508.876
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(311.997.040)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	15.466.321.875	10.431.751.995
1. Hàng tồn kho	141		15.653.820.780	10.930.980.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(187.498.905)	(499.228.334)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.572.826	449.811.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	445.239.001
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.572.826	4.572.826
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.426.929.897	8.929.333.422
I. Tài sản cố định	220		17.304.834.684	6.923.507.862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.989.834.684	3.608.507.862
- Nguyên giá	222		85.762.811.728	74.260.428.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.772.977.044)	(70.651.920.246)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.315.000.000	3.315.000.000
- Nguyên giá	228		3.400.090.910	3.400.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		359.228.030	850.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	359.228.030	850.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.762.867.183	1.155.825.560
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.762.867.183	1.155.825.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		105.729.636.257	90.974.907.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.190.559.431	19.836.066.631
I. Nợ ngắn hạn	310		13.190.559.431	19.836.066.631
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.393.533.451	3.168.065.628
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		197.915.144	862.823.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.490.504.809	5.749.823.983
4. Phải trả người lao động	314		4.243.457.843	5.572.724.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	269.500.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.594.285.416	2.288.230.411
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.001.362.768	2.194.398.834
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.539.076.826	71.138.840.468
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	92.539.076.826	71.138.840.468
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.399.990.000	34.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.399.990.000	34.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.461.382.292	5.918.735.292
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.677.704.534	31.220.105.176
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.706.879.176	13.131.856.891
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.970.825.358	18.088.248.285
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		105.729.636.257	90.974.907.099



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2018

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng


Vũ Nguyên Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	103.935.614.199	115.817.576.472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		145.746.000	174.134.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		103.789.868.199	115.643.441.772
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	50.822.859.066	51.535.596.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.967.009.133	64.107.845.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	3.153.532.858	2.647.429.404
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	262.308.943	11.240.258
8. Chi phí bán hàng	25	VL.5	12.072.694.284	13.297.407.666
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	10.773.634.238	12.947.532.694
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.011.904.526	40.499.094.249
11. Thu nhập khác	31	VL.7	736.095.992	407.732.527
12. Chi phí khác	32	VL.8	26.575.058	14.665.067.869
13. Lợi nhuận khác	40		709.520.934	(14.257.335.342)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.721.425.460	26.241.758.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.9	6.750.600.102	8.153.510.622
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.970.825.358	18.088.248.285
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	4.363	2.993
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.363	2.993




Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2018


Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng


Vũ Nguyên Bình
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	111.136.154.219	123.975.223.032
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(53.696.338.947)	(50.903.534.253)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.383.977.579)	(27.265.973.570)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10.773.510.622)	(6.908.190.955)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.010.009.032	1.460.943.517
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.620.979.806)	(16.052.558.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.671.356.297	24.305.909.515
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(12.163.615.620)	(638.961.819)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(80.000.000.000)	(79.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	72.000.000.000	74.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.644.954.734	3.245.825.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.518.660.886)	(2.393.135.982)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(80.404.700)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.398.461.000)	(23.290.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.398.461.000)	(23.370.404.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.245.765.589)	(1.457.631.167)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.539.458.444	14.894.006.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.729.894	103.083.157
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.299.422.749	13.539.458.444



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2018

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng

Vũ Nguyên Bình
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 387/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200216710 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 09 năm 2017 (cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2004).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 09 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 54.399.990.000 đồng (năm mươi tư tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), chia thành 5.439.999 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 226 người.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, sản xuất gốm sứ kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và phụ kiện đồng bộ;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện cho đường dây và trạm;
- Bán lẻ vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, bán lẻ thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Sản xuất thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Chế biến cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Khai thác cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có Công ty con, không có công ty liên kết.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	01 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giấy chứng nhận ISO, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, giấy chứng nhận ISO đã khấu hao hết.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	63.682.010	57.924.068
Tiền gửi ngân hàng	1.235.740.739	10.481.534.376
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	1.299.422.749	13.539.458.444

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	51.000.000.000	43.000.000.000
Cộng	51.000.000.000	43.000.000.000

Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái {i}	37.000.000.000	40.000.000.000
Quỹ tín dụng Hồng Hà {ii}	8.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Yên Bái {iii}	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Yên Bái {iv}	4.000.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam {v}	1.000.000.000	-
Cộng	51.000.000.000	43.000.000.000

{i}: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,8%/năm.

{ii}: Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng Hồng Hà với thời hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất 6,84% năm.

{iii}: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 6 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

{iv}: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm.

{v}: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Sử Hoàng Liên Sơn Hà Nội	3.147.047.478	3.961.458.544
Công ty TNHH MTV Sử Hoàng Liên Sơn Đà Nẵng	1.695.159.449	2.890.289.292
Công ty TNHH Cao Linh	2.073.356.100	1.124.223.448
Công ty CP Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	2.416.790.574	675.907.089
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.237.920.888	1.759.742.658
Cộng	12.570.274.489	10.411.621.031

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
ASICO Handels GMBH Co., Ltd (*)	3.153.025.080	4.055.125.375
Các đối tượng khác	881.639.760	62.293.169
Cộng	4.034.664.840	4.117.418.544

(*) Ứng trước cho nhà cung cấp theo hợp đồng nhập khẩu máy móc thiết bị

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	39.898.397	-
Tạm ứng	152.584.652	217.629.279
Phải thu khác	1.737.966.532	189.879.597
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.667.528.046</i>	<i>165.441.111</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>70.438.486</i>	<i>24.438.486</i>
Cộng	1.930.449.581	407.508.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.339.511.914	4.303.095.012
Công cụ, dụng cụ	4.209.407.033	1.580.938.807
Chi phí SXKD dở dang	848.503.800	958.129.100
Thành phẩm	4.377.148.560	2.929.656.914
Hàng hóa	813.126.368	374.273.121
Hàng gửi đi bán	66.123.105	784.887.375
Cộng giá gốc	15.653.820.780	10.930.980.329
<u>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</u>		
Nguyên liệu, vật liệu	-	(24.900.228)
Thành phẩm	(161.603.815)	(395.341.725)
Hàng hóa	(25.895.090)	-
Hàng gửi đi bán	-	(78.986.381)
Cộng Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(187.498.905)	(499.228.334)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	15.466.321.875	10.431.751.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	9.157.523.936	62.410.648.074	1.867.201.819	825.054.279	74.260.428.108
Mua trong năm	-	10.989.331.375	-	44.254.545	11.033.585.920
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.130.029.700	-	-	-	1.130.029.700
Thanh lý, nhượng bán	-	120.362.000	540.870.000	-	661.232.000
Tại ngày 31/12/2017	10.287.553.636	73.279.617.449	1.326.331.819	869.308.824	85.762.811.728
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	7.946.428.190	61.165.786.587	747.475.848	792.229.621	70.651.920.246
Khấu hao trong năm	290.808.783	1.300.312.357	172.609.656	18.558.002	1.782.288.798
Thanh lý, nhượng bán	-	120.362.000	540.870.000	-	661.232.000
Tại ngày 31/12/2017	8.237.236.973	62.345.736.944	379.215.504	810.787.623	71.772.977.044
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	1.211.095.746	1.244.861.487	1.119.725.971	32.824.658	3.608.507.862
Tại ngày 31/12/2017	2.050.316.663	10.933.880.505	947.116.315	58.521.201	13.989.834.684

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.359.696.413 đồng. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 46.466.599.500 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
Tại ngày 31/12/2017	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	-	85.090.910	85.090.910
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	85.090.910	85.090.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	3.315.000.000	-	3.315.000.000
Tại ngày 31/12/2017	3.315.000.000	-	3.315.000.000

Quyền sử dụng lô đất theo Giấy chứng nhận Quyền Sử dụng đất số BC 019205 cho thửa đất số 115, tờ bản đồ số 20, xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, diện tích 510 m² đang được Công ty ủy quyền ông Nguyễn Khắc Sơn đứng tên. Công ty đang thực hiện giao dịch chuyển sang Công ty đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phân xưởng Cao lanh	-	850.000.000
Nhà nguyên liệu	359.228.030	-
Cộng	359.228.030	850.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1.762.867.183	1.155.825.560
Cộng	1.762.867.183	1.155.825.560

11. Phải trả người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguyễn Mai Anh	606.933.000	751.008.700
Công ty TNHH SX và TM cơ khí Bách Việt	649.768.000	675.760.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.136.832.451	1.741.296.928
Cộng	2.393.533.451	3.168.065.628

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% đối với các khoản công nợ phải trả người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	596.313.326	3.782.843.997	4.019.252.651	359.904.672
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu		461.249.107	461.249.107	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.153.510.657	6.750.600.102	10.773.510.622	1.130.600.137
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	47.690.701	47.690.701	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	5.749.823.983	11.045.383.907	15.304.703.081	1.490.504.809

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	269.500.000	-
Cộng	269.500.000	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	69.608.282	63.664.415
Bảo hiểm xã hội	-	960.352
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.524.677.134	2.223.605.644
<u>Trong đó</u>		
<i>Có tức phải trả</i>	<i>229.053.300</i>	<i>229.053.300</i>
<i>Hoa hồng môi giới bán hàng</i>	<i>428.509.528</i>	<i>1.105.243.224</i>
<i>Tạm ứng phải trả</i>	<i>316.374.825</i>	<i>342.438.540</i>
<i>Đãi nợ ngắn hạn khác</i>	<i>550.739.481</i>	<i>546.870.580</i>
Cộng	1.594.285.416	2.288.230.411

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% đối với các khoản công nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	34.000.000.000	5.097.014.245	40.522.558.478	79.619.572.723
Lãi trong năm	-	-	18.088.248.285	18.088.248.285
Phân phối lợi nhuận	-	821.721.047	(821.721.047)	-
Chia cổ tức	-	-	(23.290.000.000)	(23.290.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.278.980.540)	(3.278.980.540)
Tại ngày 01/01/2017	34.000.000.000	5.918.735.292	31.220.105.176	71.138.840.468
Lãi trong năm	-	-	26.970.825.358	26.970.825.358
Phân phối lợi nhuận (*)	20.399.990.000	542.647.000	(20.942.637.000)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(3.761.765.000)	(3.761.765.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.808.824.000)	(1.808.824.000)
Tại ngày 31/12/2017	54.399.990.000	6.461.382.292	31.677.704.534	92.539.076.826

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHDCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2017.

b. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.439.999	3.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.439.999	3.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.439.999	3.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.439.999	3.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.935.614.199	115.817.576.472
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	103.935.614.199	115.817.576.472
Các khoản giảm trừ doanh thu	145.746.000	174.134.700
- Chiết khấu thương mại	123.660.000	-
- Hàng bán bị trả lại	22.086.000	174.134.700
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.789.868.199	115.643.441.772

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	50.822.859.066	51.535.596.309
Cộng	50.822.859.066	51.535.596.309

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.147.041.669	2.574.233.226
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.491.189	73.196.178
Cộng	3.153.532.858	2.647.429.404

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	262.308.943	11.240.258
Cộng	262.308.943	11.240.258

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	2.938.430.593	3.479.802.858
Chi phí nguyên vật liệu	1.503.419.492	1.575.737.564
Chi phí khấu hao TSCĐ	545.535.880	364.076.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.740.697.066	6.306.787.501
Chi phí khác bằng tiền	1.344.611.253	1.571.003.695
Cộng	12.072.694.284	13.297.407.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	7.772.362.018	9.614.955.768
Chi phí nguyên vật liệu	302.041.614	484.293.615
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.580.361	320.426.104
Thuế, phí, lệ phí	406.373.350	345.837.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	739.787.019	786.493.332
Chi phí khác bằng tiền	1.326.489.876	1.083.529.612
Dự phòng phải thu khó đòi	-	311.997.040
Cộng	10.773.634.238	12.947.532.694

7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	243.583.671	5.727.273
Xử lý sản phẩm hỏng, thu phế liệu	476.553.000	387.063.436
Phạt hợp đồng	-	11.000.000
Các khoản khác	15.959.321	3.941.818
Cộng	736.095.992	407.732.527

8. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý công nợ điều chỉnh sau bán án 2011	-	14.307.726.578
Xử lý công nợ	2.320.950	357.341.291
Chi phí khác	24.254.108	-
Cộng	26.575.058	14.665.067.869

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận trước thuế	33.721.425.460	26.241.758.907
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	31.575.050	14.525.794.204
Các khoản điều chỉnh tăng	31.575.050	14.628.877.361
<i>Chi phí không hợp lý xử lý công nợ</i>	-	14.307.726.578
<i>Chi phí không hợp lý khác</i>	31.575.050	321.150.783
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(103.083.157)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ</i>	-	(103.083.157)
Thu nhập chịu thuế	33.753.000.510	40.767.553.111
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.750.600.102	8.153.510.622
<i>Tăng theo Quyết định thanh tra</i>	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.750.600.102	8.153.510.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.970.825.358	18.088.248.285
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(3.236.499.000)	(1.808.824.000)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.734.326.358	16.279.424.285
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.439.999	5.439.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.363	2.993

(*) Theo điểm 6, Công văn số 12568/BTC-CDKT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc giải thích nội dung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, thì số quỹ khen thưởng dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được điều chỉnh theo số trích quỹ thực tế. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn về việc phân phối lợi nhuận năm 2016, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích là 1.808.824.000 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ vào điều lệ của Công ty.

(**) Trong năm căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị 2017, thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng cổ phiếu như sau:

	Số báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.088.248.285	-	18.088.248.285
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(1.808.824.000)	(1.808.824.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.808.824.000	1.808.824.000
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.808.824.000)	(1.808.824.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.088.248.285	(1.808.824.000)	16.279.424.285
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.400.000	2.039.999	5.439.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.320	2.328	2.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24,837.266.829	22.459.576.202
Chi phí nhân công	29.175.911.940	33.626.527.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.787.576.093	1.098.634.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.477.320.648	14.976.843.397
Chi phí khác bằng tiền	3.442.533.179	4.142.023.868
Cộng	74.720.608.689	76.303.605.236

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ có một hoạt động phát sinh doanh thu trong năm là hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm về sử điện. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và các văn phòng đại diện tại Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên tại các văn phòng đại diện là hạch toán phụ thuộc, không phát sinh doanh thu. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

2. Bên liên quan**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng quản trị	2.520.000.000	2.645.815.200
Ban Tổng Giám đốc	1.033.290.000	1.279.524.125
Cộng	3.553.290.000	3.925.339.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2018

Vũ Nguyễn Bình
Kế toán trưởng

Vũ Nguyễn Bình
Người lập



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Văn phòng chính Hà Nội:

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (024) 666 42 777 | Fax: (024) 666 43 777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Head Office:

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex,
No 1 Nguyen Huy Tuong Street,
Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.
Tel: (84) 24 666 42 777 | Fax: (84) 24 666 43 777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: (0225) 3797 268 / (0225) 8670 688
Fax: (0225) 3797 268
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 225 3797 268 / 225 8670 688
Fax: (84) 225 3797 268
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trương Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3 547 2323 | Fax: (028) 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Trương Sơn Street,
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 28 3547 2323 | Fax: (84) 28 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:

Tầng 9, Tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi,
P. Đông Hương, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (0237) 3758.959 | Fax: (0237) 3758.959
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa City:

9th Floor, Viettel Building, Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward,
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: (84) 237 3758.959 | Fax: (84) 237 3758.959
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn